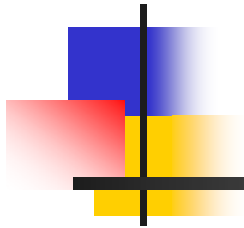


Hội thảo Hè 2011
Việt Nam và các nước ASEAN trước thử thách
20-21 tháng 8, 2011
Singapore



Động thái mới trong thương mại quốc tế
của các nước ASEAN

Ảnh hưởng của Trung quốc và một số hàm ý
chính sách cho Việt Nam

Vũ Minh Khương



Tổng quan

- Giới thiệu các nước ASEAN-6
- Ảnh hưởng của Trung quốc
- Một số hàm ý chính sách cho Việt Nam



Giới thiệu các nước ASEAN-6

- Các nước ASEAN-6 trong bức tranh thương mại toàn cầu
- Nhịp độ hội nhập thương mại quốc tế
- Thị trường xuất khẩu chủ đạo

Các nước ASEAN-6 trong bức tranh thương mại toàn cầu

Country	Population, 2008 (Millions)	Trade (Exports + Imports), 2008			Growth, 2000-2008		
		Total (US\$, Billion)	Trade Intensity (% of GDP)	Global Share (World=100)	Total Trade	Exports	Imports
World	6,698	29,566	48%	100	12%	12%	12%
ASEAN-6	503	1,813	125%	6.1	11%	11%	12%
Indonesia	227	266	52%	0.9	14%	10%	19%
Malaysia	27	319	144%	1.1	8%	8%	8%
Philippines	90	109	66%	0.4	5%	3%	6%
Singapore	5	623	322%	2.1	11%	11%	11%
Thailand	67	352	129%	1.2	14%	13%	14%
Vietnam	86	143	158%	0.5	22%	20%	23%
<i>China</i>	<i>1,325</i>	<i>2,465</i>	<i>55%</i>	<i>8.3</i>	<i>23%</i>	<i>24%</i>	<i>22%</i>
<i>India</i>	<i>1,140</i>	<i>483</i>	<i>40%</i>	<i>1.6</i>	<i>23%</i>	<i>20%</i>	<i>25%</i>

- Các nước ASEAN-6 có cường độ thương mại rất sâu so với thế giới; trong đó Việt Nam thuộc tốp đầu (158%).
- ASEAN-6 chiếm trên 6% thương mại toàn cầu.
- Tuy nhiên nhịp độ hội nhập của ASEAN-6 đang bị chậm lại so với thế giới, đặc biệt là TQ & Ấn Độ.
- Tăng trưởng thương mại của ASEAN-6 bị thiên lệch về nhập khẩu.

Các nước ASEAN-6 và thị trường xuất khẩu chủ đạo

Country	Top Five Export Markets		Share of the top Five Markets in Total Exports	
	2000	2008	2000	2008
ASEAN-6	US (19%); EU 27 (15%); Japan (13%); Singapore (8%); and Malaysia (8%)	EU 27 (12%); Japan (11%); US (11%); China (9%); and Malaysia (7%)	63%	49%
Indonesia	Japan (23%); EU 27 (14%); US (14%); Singapore (11%); and South Korea (7%)	Japan (20%); EU 27 (11%); US (10%); Singapore (9%); and China (8%)	69%	59%
Malaysia	US (21%); Singapore (18%); EU 27 (14%); Japan (13%); and Thailand (4%)	Singapore (14%); US (13%); Japan (12%); EU 27 (11%); and China (8%)	69%	57%
Philippines	US (30%); EU 27 (18%); Japan (15%); Singapore (8%); and Malaysia (4%)	EU 27 (17%); US (17%); Japan (16%); China (11%); and Singapore (5%)	75%	66%
Singapore	Malaysia (19%); US (18%); EU 27 (14%); Japan (8%); and Thailand (4%)	Malaysia (13%); Indonesia (11%); China (10%); EU 27 (9%); and US (8%)	62%	51%
Thailand	US (21%); EU 27 (16%); Japan (15%); Singapore (9%); and China (4%)	EU 27 (13%); US (11%); Japan (11%); China (9%); and Singapore (6%)	66%	51%
Vietnam	EU 27 (20%); Japan (18%); China (11%); Singapore (6%); and US (5%)	US (19%); EU 27 (17%); Japan (14%); China (7%); and Singapore (4%)	61%	62%

- Trung quốc trở thành thị trường xuất khẩu chủ đạo có tầm quan trọng hơn với các nước ASEAN-6 trừ Việt Nam. TẠI SAO?



Ảnh hưởng của Trung quốc

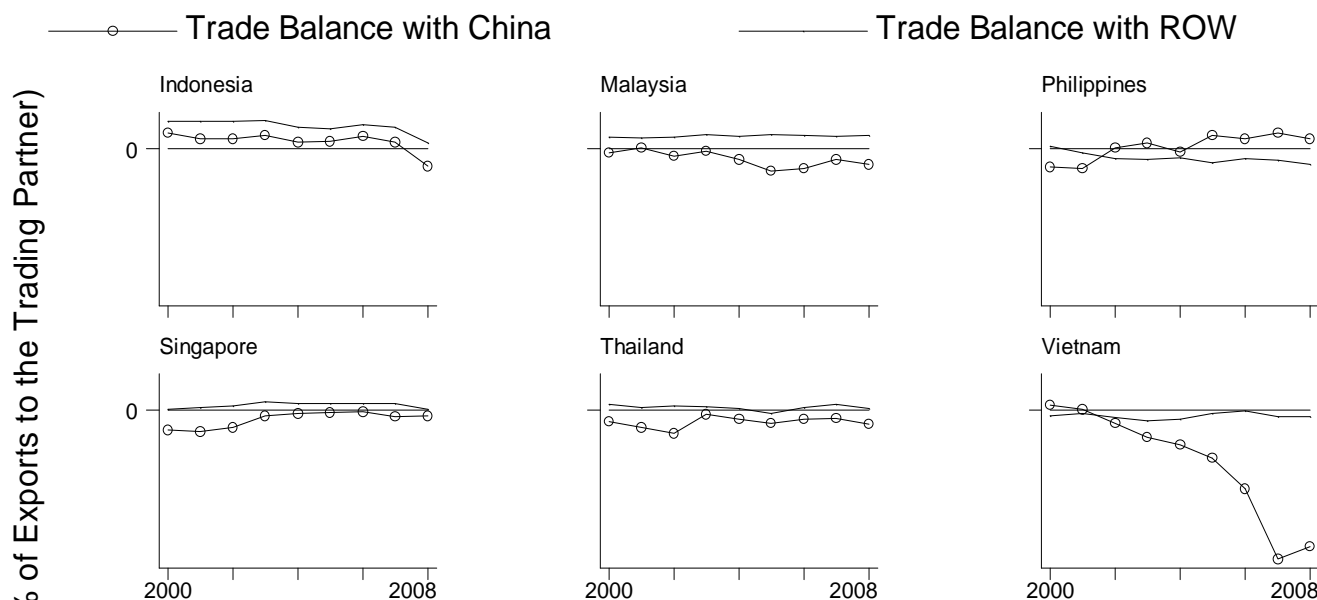
- Động lực tăng trưởng thương mại?
- Cân bằng thương mại?
- Cạnh tranh hay BỔ trợ?

Trung quốc: Động lực tăng trưởng thương mại?

	TRADE			EXPORTS (X)			IMPORTS (M)			X-M
	Deepening Effect (DE)	Expansion Effect (EE)	Total Effect (TE)	Deepening Effect (DE)	Expansion Effect (EE)	Total Effect (TE)	Deepening Effect (DE)	Expansion Effect (EE)	Total Effect (TE)	Total Effect (TE)
China										
ASEAN-6	2.4%	12.5%	14.9%	-0.1%	13.3%	13.2%	3.8%	12.6%	16.4%	-3.2%
Indonesia	2.1%	10.9%	13.0%	-2.2%	14.1%	11.9%	4.4%	9.3%	13.8%	-1.9%
Malaysia	2.1%	15.5%	17.6%	-1.0%	14.8%	13.8%	4.6%	18.1%	22.8%	-9.0%
Philippines	5.6%	18.4%	24.0%	10.9%	32.8%	43.7%	2.5%	13.3%	15.7%	27.9%
Singapore	1.6%	12.8%	14.4%	1.0%	13.0%	14.1%	1.5%	13.5%	14.9%	-0.9%
Thailand	2.4%	10.9%	13.4%	0.8%	11.3%	12.1%	3.3%	11.2%	14.4%	-2.3%
Vietnam	4.1%	11.3%	15.5%	-4.0%	10.4%	6.5%	9.5%	12.4%	21.9%	-15.4%
The US										
ASEAN-6	-2.4%	7.3%	4.9%	-5.0%	9.2%	4.1%	0.0%	5.6%	5.6%	-1.5%
Indonesia	0.7%	4.6%	5.4%	-1.2%	7.3%	6.1%	2.1%	2.6%	4.7%	1.4%
Malaysia	-9.6%	12.1%	2.5%	-11.0%	13.7%	2.6%	-7.8%	10.2%	2.4%	0.3%
Philippines	-31.6%	25.2%	-6.4%	-75.7%	47.8%	-27.9%	-10.6%	14.5%	3.8%	-31.7%
Singapore	-2.3%	7.2%	4.8%	-6.9%	7.1%	0.1%	2.4%	7.2%	9.6%	-9.5%
Thailand	-1.4%	5.8%	4.5%	-2.8%	8.1%	5.3%	-0.1%	3.8%	3.7%	1.6%
Vietnam	9.2%	2.8%	12.0%	17.9%	5.5%	23.4%	2.6%	0.9%	3.5%	19.9%

- Trung quốc đóng vai trò đáng kể (trên 10%) trong tăng trưởng thương mại quốc tế của các nước ASEAN-6.
- Động lực này tạo ra phần nhiều nhờ sự tăng trưởng của thị trường TQ mạnh hơn nhiều so với tác động gắn kết sâu hơn của ASEAN-6 với thị trường này.
- Động lực Trung quốc bị thiên lệch nặng về nhập khẩu.

Cân bằng thương mại với Trung quốc



Ghi chú: ROW=Rest of World; i.e. thế giới trừ TQ

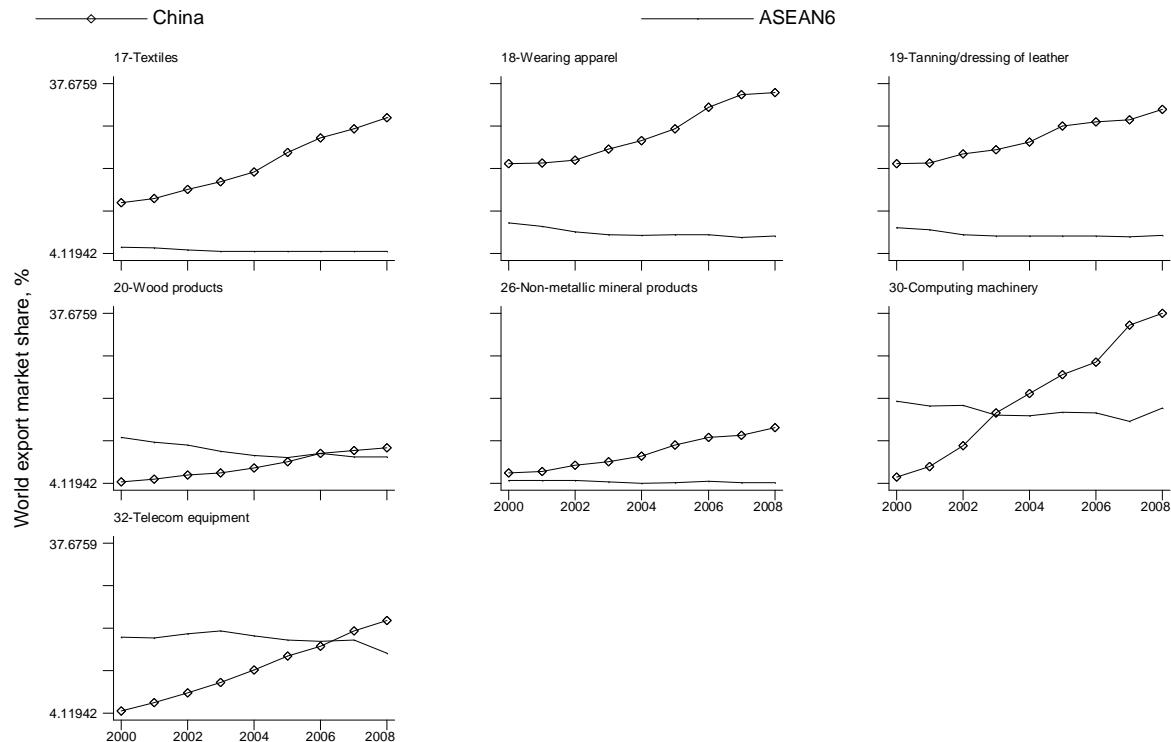
- Về cân bằng thương mại, các nước ASEAN-6 thua thiệt hơn trong quan hệ với TQ so với quan hệ với các nước khác. Với Việt Nam, vấn đề này đặc biệt nghiêm trọng.



Trung quốc: Cạnh tranh hay Bô trợ

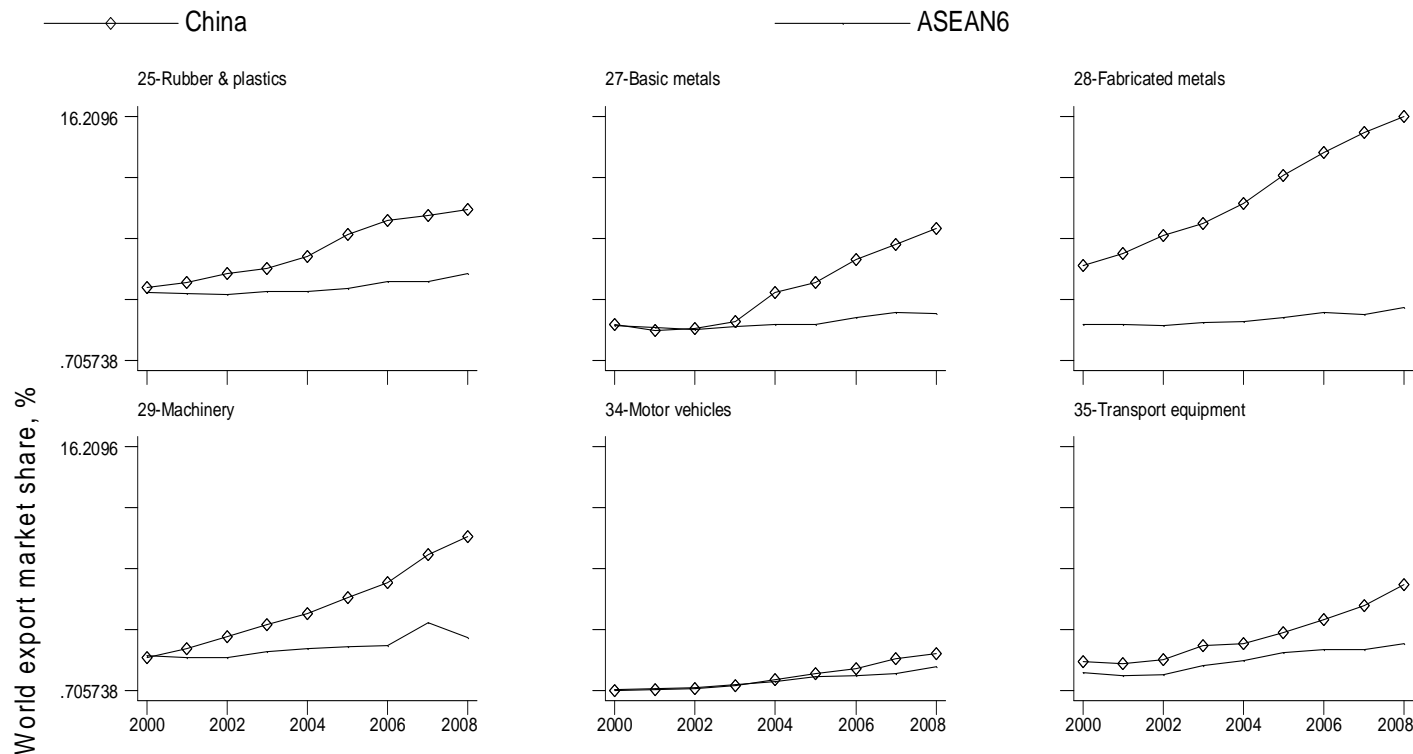
	Negative	Positive
Strong (p-value<0.05)	<ol style="list-style-type: none"> 1. Wood products (r=-0.83; p=0.005) 2. Wearing apparel (r=-0.75; p=0.021) 3. Textile (r=-0.73; p=0.026) 4. Telecom equipment (r=-0.72; p=0.030) 5. Non-metallic minerals (r=-0.70; p=0.037) 6. Tanning and dressing of leather (r=-0.69; p=0.038) 7. Computing machinery (r=-0.67; p=0.047) 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Motor vehicles (r=0.98; p=0.0000) 2. Basic metals (r=0.95; p=0.0001) 3. Transport equipment (r=0.95; p=0.0001) 4. Fabricated metals (r=0.94; p=0.0001) 5. Rubber and plastics (r=0.92; p=0.0005) 6. Machinery and equipment (r=0.87; p=0.002)
Weak (p-value>0.05)	<ol style="list-style-type: none"> 1. Agriculture (r=-0.52; p=0.154) 2. Forestry (r=-0.52; p=0.155) 3. Medical and precision equipment (r=-0.32; p=0.397) 4. Furniture (r=-0.87; p=0.824) 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Paper products (r=0.64; p=0.066) 2. Chemicals (r=0.53; p=0.143) 3. Fishing (r=0.45; p=0.22) 4. Food and beverages (r=0.24; p=0.526) 5. Coke and refined petroleum (r=0.20; p=0.60) 6. Electrical Machinery (r=0.13; p=0.738)

Các ngành công nghiệp của ASEAN bị Trung quốc cạnh tranh khốc liệt



- TQ thể hiện sức cạnh tranh áp đảo và khả năng giành thị trường quốc tế rất mạnh trong các ngành máy tính, thiết bị viễn thông, đồ gỗ, thuộc da, may mặc, và dệt.

Các ngành công nghiệp của ASEAN có thể thụ hưởng tác động hỗ trợ của Trung quốc



- TQ và ASEAN-6 cùng tăng thị phần quốc tế trong các ngành như cao su-nhựa, máy móc thiết bị, động cơ, thiết bị vận tải, kim loại.
- Nhịp độ gia tăng thị phần của TQ mạnh hơn hẳn ASEAN-6.



Một số hàm ý chính sách cho Việt Nam

- Chất lượng QLNN trong lĩnh vực thương mại quốc tế.
- Khai thác thị trường Trung quốc
- Nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế:
 - Gia cường sức cạnh tranh của các DN Việt Nam trên thị trường nội địa
 - Phát triển các ngành công nghiệp xuất khẩu chiến lược
 - Chuyển dịch cơ cấu XNK

Một số bước đi ưu tiên

1) Lập cục hợp tác và phát triển thương mại quốc tế

- Cục có nhiệm vụ cấp bách và đặc biệt trong việc giúp các DN và nền kinh tế Việt Nam khai thác tối đa và giảm thiểu sự thua thiệt liên quan tới sự trỗi dậy của thị trường Trung quốc.
- Cục nên có cơ chế hoạt động tương tự như một Statutory Board của Singapore:
 - chịu trách nhiệm thực thi nhằm đạt các mục tiêu chiến lược và chiến thuật của chính sách;
 - hoạt động theo cơ chế thị trường, đặc biệt trong tuyển dụng tài năng và đưa ra các sáng kiến, kể cả đầu tư, nhằm phối thuộc với các doanh nghiệp trong các nỗ lực thực hiện mục tiêu chính sách được giao.

Một số bước đi ưu tiên

2) Nghiên cứu đánh giá căn bản sức cạnh tranh của các DN Việt Nam, đặc biệt chú trọng ba vấn đề sau

1. Khả năng thâm nhập thị trường Trung quốc:
 - Đây là đặc tính phổ quát hiện nay của các DN VN hiện đang xuất khẩu vào TQ.
 - Khả năng thành công trong định vị Việt Nam như một điểm tựa chiến lược cho các công ty đa quốc gia thâm nhập thị trường TQ.
 - Đây là đặc tính phổ quát hiện nay của các ngành công nghiệp và DN của các nước ASEAN với thành công trong xuất khẩu vào thị trường TQ.
2. Khả năng và giải pháp bảo vệ thị trường nội địa, giảm thâm hụt thương mại với Trung quốc bằng các nỗ lực cải cách của cả nhà nước và DN;
3. Các vấn đề cấp bách và chiến lược trong khai thác lợi thế và nâng cao hiệu quả hội nhập của Việt nam.

Một số bước đi ưu tiên

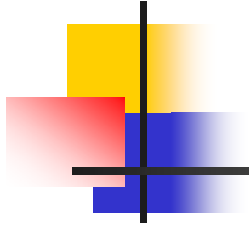
3) Nâng cao chất lượng quản lý nhà nước trong lĩnh vực thương mại quốc tế (1)

- Thương mại quốc tế sâu, đặc biệt là với Trung quốc là một đặc trưng căn bản của nền kinh tế Việt nam.
 - Nó là một thế mạnh tiềm tàng nhưng cũng gắn kết với những thách thức và nguy cơ to lớn.
 - **Với đặc trưng này, nền kinh tế nước ta có điều kiện trở thành một nền kinh tế sống động, có sức cạnh tranh toàn cầu cao, đi tiên phong trong nhiều xu thế phát triển của nền kinh tế thế giới. Người Việt Nam sẽ có được sự hãnh diện của một dân tộc xứng đáng với truyền thống và di sản mà cha ông để lại.**
 - Thế nhưng, đặc trưng này có thể biến nước ta thành một nền kinh tế lệ thuộc thảm hại nếu năng lực quản lý nhà nước tiếp tục yếu kém như hiện nay. **Khi đó, người Việt Nam ta sẽ có vị thế rất thấp kém trên chính mảnh đất của ông cha mình; người dân sẽ phải nhọc nhằn kiếm sống trong sự tủi nhục của sự thất thế và một môi trường tự nhiên, xã hội, và văn hóa xuống cấp tới mức mà các thế hệ trước đây không bao giờ ngờ tới.**
- **Do vậy, nâng cao chất lượng QLNN trong lĩnh vực này là một nhiệm vụ chiến lược và một đòi hỏi có tính sống còn cho sự nghiệp phát triển của Việt Nam.**

Một số bước đi ưu tiên

3) Nâng cao chất lượng quản lý nhà nước trong lĩnh vực thương mại quốc tế (2)

- Nâng cao chất lượng quản lý nhà nước trong lĩnh vực thương mại quốc tế cần được tiến hành bởi các nỗ lực đồng bộ và mạnh mẽ trên cả ba lĩnh vực: nhân lực, tổ chức, và thể chế:
 1. Nhân lực:
 - Trong mọi nỗ lực chiến lược, tìm kiếm người hiền tài giao trọng trách phải được coi là vấn đề khởi đầu.
 - Trong lựa chọn, đặc biệt coi trọng (trong số những người được đánh giá là có tài) **phẩm chất hiền dân, tính trung thực, và tư duy thực tế.**
 - Chế độ đãi ngộ
 2. Tổ chức:
 - Xây dựng cơ chế khoa học và minh bạch trong đề bạt, bổ nhiệm và đánh giá cán bộ lãnh đạo
 - Áp dụng phương pháp đánh giá quản lý công tác theo kết quả để có thể giám định chính xác và kịp thời.
 - Tăng sự phối thuộc giữa các cơ quan nhà nước với DN
 3. Thể chế:
 - Dựa vào dân, phát huy dân chủ
 - Quy trách nhiệm
 - Quy chế cung cấp thông tin kịp thời, minh bạch
 - Khuyến khích các nghiên cứu sâu ở tầm chiến lược và các ý kiến phản biện
 - Định kỳ khảo sát ý kiến doanh nghiệp và người dân về hiệu lực chính sách và chất lượng phục vụ của chính phủ và các cơ quan QLNN.



Xin cảm ơn!